

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUYỀN MỘC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 62/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 21-05-2024
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Sương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hà Danh Vượng.
- Ông Văn Phú Hiên.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Kim Thùy là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu không tham gia phiên tòa.**

Ngày 21 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 454/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1977. Địa chỉ: Tổ H, ấp P, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; (Có mặt).

2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976. Địa chỉ: Tổ H, ấp P, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; (Vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/10/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Bà đăng ký kết hôn với ông Nguyễn Văn T vào năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện không có ai ép buộc. Vợ chồng bà chung sống đến năm 2021

thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bà bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, chung sống không hòa hợp, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng bà đã cùng nhau hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không thành. Bà và ông T đã ly thân 5 tháng, không còn quan hệ gì về mặt tình cảm lẫn kinh tế. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông T.

Về nuôi con chung: Bà và ông T có ba con chung là Nguyễn Thị N, sinh ngày 12-9-1996 (đã trưởng thành), Nguyễn Văn T1, sinh ngày 02-01-2002 (đã trưởng thành), cháu Nguyễn Chí T2, sinh ngày 29-01-2008. Hiện cháu T2 đang sống với ông T. Bà đồng ý giao cháu T2 cho ông T nuôi dưỡng và bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc có công văn số 89/CV-VKS ngày 12/4/2024 về việc không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, bị đơn cư trú tại huyện X, nên đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc xét xử vắng mặt của đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà D và ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 08-01-1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 08-01-1996, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Quá trình chung sống bà D và ông T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, chung sống không hòa hợp,

thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng bà đã cùng nhau hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không thành. Bà D và ông T đã ly thân, không còn quan tâm đến nhau, không còn quan hệ gì về mặt tình cảm lẫn kinh tế.

Tại phiên tòa bà D vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông T. Ông T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt cho thấy ông T không có thiện chí muốn hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà D và ông T thể hiện: Bà D và ông T hiện nay đang cư trú tại tổ H, ấp P, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Trong thời gian chung sống bà D và ông T có xảy ra mâu thuẫn như thế nào chính quyền địa phương không rõ, chỉ biết thông tin hiện nay bà D và ông T không còn sống chung một nhà.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà D và ông T đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thật sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, nên cần áp dụng các điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà D.

[2.2] Về nuôi con chung: Bà D và ông T có ba con chung gồm Nguyễn Thị N, sinh ngày 12-9-1996, Nguyễn Văn T1, sinh ngày 02-01-2002, cháu Nguyễn Chí T2, sinh ngày 29-01-2008.

Cháu N và cháu T1 hiện nay đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Riêng cháu T2 thì bà D không tranh chấp mà đồng ý giao cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay cháu T2 đang sống chung với ông T đồng thời nguyện vọng của cháu T2 tiếp tục sống với cha. Nên để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con, cần giao cháu T2 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo sự phát triển toàn diện của con theo quy định tại các điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bị đơn ông T vắng mặt trong các buổi làm việc tại Tòa án và không gửi văn bản ý kiến về việc giải quyết vụ án, nên dành quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con cho ông T khi có yêu cầu.

[2.3] Về chia tài sản: Bà D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà D là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị D ly hôn ông Nguyễn Văn T.
2. Về nuôi con chung: Bà D và ông T có ba con chung gồm Nguyễn Thị N, sinh ngày 12-9-1996, Nguyễn Văn T1, sinh ngày 02-01-2002, cháu Nguyễn Chí T2, sinh ngày 29-01-2008. Cháu N và cháu T1 hiện nay đã trưởng thành, giao cháu T2 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà D không phải cấp dưỡng nuôi con.
Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu, Tòa án có thể xem xét quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.
3. Về chia tài sản: Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0005121 ngày 15-12-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Bà D đã nộp đủ án phí.
5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- CCTHADS huyện Xuyên Mộc;
- UBND xã Hải Triều, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ HẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thảo Sương